KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2022*

BÙI QUANG TUẤN** - HÀ HUY NGỌC***

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Do đó, để trở lại quỹ đạo tăng trưởng, Việt Nam cần thực hiện Chương trình phục hồi kinh tế bền vững vừa đủ liều lượng, vừa trúng mục tiêu và với thể chế thực thi hiệu quả.

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2021: trên đà quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng

Kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi nhưng tăng trưởng không đồng đều giữa các khu vực.

Đại dịch COVID-19 kéo dài đã đẩy kinh tế thế giới rơi vào trạng thái khủng hoảng trầm trọng nhất kể từ năm 1930, kéo tăng trưởng xuống mức âm 3,1% năm 2020 do gián đoạn chuỗi cung ứng, các biện pháp phòng vệ trước dịch bệnh và ảnh hưởng của nó đến các hoạt động kinh tế trên quy mô toàn cầu. Đứng trước bối cảnh đó, các quốc gia đã có những nỗ lực để phục hồi nền kinh tế và bảo đảm sức khỏe, an sinh xã hội đối với người dân. Hiệu quả của các nỗ lực này được thể hiện khi năm 2021 kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng trở lại. Tuy nhiên, giữa các khu vực trên thế giới sự phục hồi không đồng đều. Các quốc gia phát triển trên thế giới được dự báo có mức tăng trở lại cao, như Mỹ với 5,9%, Trung Quốc với mức 8,0%. Khu vực Liên minh châu Âu (EU) cũng được dự báo tăng trưởng trở lại. Trong khi đó các quốc gia tại khu vực Đông Nam Á chỉ được dự báo tăng trưởng ở mức 3,0%. Quỹ đạo tăng trưởng quay trở lại nhờ các biện pháp can thiệp khác nhau vào nền kinh tế của từng khu vực. Tính đến hết tháng 10-2021, các gói hỗ trợ tài khóa và tiền tệ toàn cầu là 18.272 tỷ USD, tương đương với 16,4% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu, trong đó các nước phát triển có quy mô hỗ trợ trung bình đạt 19,4% GDP; các nước đang phát triển và mới nổi là 7,51% GDP, trong khi các nước thu nhập thấp quy mô các gói chỉ trung bình là 4,3% GDP. Việc can thiệp với quy mô khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh của mỗi quốc gia là nguyên nhân dẫn đến việc tăng trưởng không đồng đều giữa các khu vực và điều này tạo ra những lo ngại về việc các quốc gia thu nhập thấp có khả năng "lỡ nhịp" so với sự phục hồi của thế giới.

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Bộ: "Kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19: Phục hồi và chuyển đổi" mã số 323/HĐKH-KHXH (2021-2022) do PGS, TS Bùi Quang Tuấn làm chủ nhiệm

** PGS, TS, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam

*** TS, Viện Kinh tế Việt Nam

Lạm phát toàn cầu tiếp tục gây ra nhiều rủi ro tiềm ẩn.

Đại dịch COVID-19 gây ra nhiều lo ngại đối với tỷ lệ lạm phát tăng cao bởi các nguyên nhân chính sau: 1- Các biện pháp can thiệp của chính phủ các quốc gia trong chính sách tài khóa và tiền tệ làm gia tăng các hoạt động kinh tế hoặc thu hẹp các khoảng cách đối với các sản phẩm đầu ra nhằm giải phóng nhu cầu bị dồn nén và tiết kiệm tích lũy trong thời gian bị ngưng trệ bởi đại dịch; 2- Giá hàng hóa thế giới tăng nhanh đối với một số mặt hàng thiết yếu và nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng trong sản xuất do gián đoạn chuỗi cung ứng hoặc do chi phí vận tải gia tăng; 3- Sự thiếu hụt cả đầu vào và đầu ra trong chuỗi cung ứng khi các quốc gia thực hiện các biện pháp giãn cách, hạn chế các hoạt động kinh tế. Theo đó, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cảnh báo nền kinh tế toàn cầu năm 2021 nhiều khả năng sẽ chịu mức lạm phát 3,5% (cao hơn 2% so với lạm phát năm 2020).

Một số vấn đề nổi bật của kinh tế Việt Nam năm 2021

Tăng trưởng GDP: Khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chủ đạo.

Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%. Khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%, đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát.

Năm 2021, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định; thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ với mức vốn hóa thị trường cổ phiếu năm 2021 tăng 45,5% so với cuối năm 2020. Tính đến ngày 24-12-2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 8,93% so với cuối năm 2020; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 8,44%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,97%[1].

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12-2021 giảm 0,18% so với tháng 11-2021 và tăng 1,81% so với tháng 12-2020. Bình quân năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 0,81%.

Giá vàng trong nước biến động trái chiều với giá vàng thế giới. Bình quân giá vàng thế giới đến ngày 25-12-2021 giảm 1,8% so với tháng 11-2021 do đồng USD và lợi suất trái phiếu Mỹ tăng theo kỳ vọng lãi suất Mỹ năm sau tăng lên. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 12-2021 tăng 0,25% so với tháng 11-2020; tăng 1% so với tháng 12-2020 và bình quân năm 2021 tăng 8,67% so với năm trước. Còn đồng USD trên thị trường thế giới tăng trong bối cảnh lạm phát Mỹ tăng cao, do các nhà đầu tư có động thái rút khỏi những loại tiền tệ rủi ro hơn sau khi các ngân hàng trung ương đưa ra quyết định về việc tăng lãi suất cũng như lo ngại khả năng lây lan của biến chủng Omicron. Trong nước, do nhu cầu mua ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu tăng làm chỉ số giá USD tháng 12-2021 tăng 0,84% so với tháng 11-2021; giảm 0,58% so với tháng

(1) Ngân hàng Nhà nước: *Báo cáo chính sách tín dụng - tiền tệ tháng 12 và cả năm 2021*

12-2020 và bình quân năm 2021 giảm 0,97% so với năm trước.

Khu vực doanh nghiệp bị tác động nặng nề do đại dịch COVID-19.

Sự bùng phát của đại dịch COVID-19 lần thứ tư khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Theo báo cáo của Cục Đăng ký kinh doanh, trong năm 2021 có 116.839 doanh nghiệp đăng ký mới, giảm 13,4% so với năm 2020, là mức thấp nhất kể từ năm 2017 đến nay. Số vốn đăng ký thành lập trong năm 2021 cũng chỉ đạt 1.611.109 tỷ đồng, giảm 27,9% so với năm 2020. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2021 là 43.116 doanh nghiệp, giảm 2,2% so với năm 2020.

Mặt khác, dịch bệnh kéo dài "bào mòn" sức lực của nhiều doanh nghiệp trong nước, trong đó phần lớn là các doanh nghiệp thành lập dưới 5 năm, quy mô vốn nhỏ. Có 119.828 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giải thể trong năm 2021, tăng 17,8% so với năm 2020. Trong số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường có tới 54.960 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh (chiếm 45,9%), tức là chưa rời thị trường mà tiếp tục "đóng băng", chờ đợi thời điểm thích hợp để tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới, tăng 18% so với năm 2020.

Nếu so sánh với giai đoạn 2016 - 2020 (với tỷ lệ tăng số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trung bình là 25,9%) thì tỷ lệ này năm 2021 cơ bản không thay đổi. Số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể là 48.127 doanh nghiệp, tăng 27,8% so với năm 2020. Còn số doanh nghiệp đã giải thể, chấm dứt tồn tại trong năm 2021 là 16.741 doanh nghiệp, giảm 4,1% so với năm 2020.

Tăng trưởng xuất, nhập khẩu là gam màu sáng nhất trong bức tranh kinh tế vĩ mô năm 2021.

Năm 2021 là một năm đầy biến động đối với mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Nhưng, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự vào cuộc quyết liệt của các bộ, ngành, chính quyền địa phương, sự nỗ lực chủ động vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xúc tiến thương mại đã giúp duy trì sản xuất và xuất khẩu, với tổng kim ngạch kỷ lục 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020. Riêng khu vực kinh tế trong nước đạt 88,71 tỷ USD, tăng 13,4%, chiếm 26,4% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 247,54 tỷ USD, tăng 21,1%, chiếm 73,6%. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69,7%). Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực năm 2021, gồm: Điện thoại các loại và linh kiện chiếm 99,3%; điện tử, máy tính và linh kiện chiếm 98,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 93%; dệt may chiếm 61,7%; giầy dép các loại chiếm 79,3%.

Đối với nhập khẩu, năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 332,25 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 114,07 tỷ USD, tăng 21,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 218,18 tỷ USD, tăng 29,1%. Có 47 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2021, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 95,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 109,9 tỷ USD. Năm 2021 xuất siêu

sang EU ước đạt 23 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 54 tỷ USD, tăng 53%; nhập siêu từ Hàn Quốc 34,2 tỷ USD, tăng 22,9%; nhập siêu từ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 12 tỷ USD, tăng 63,1%; nhập siêu từ Nhật Bản 2,4 tỷ USD, tăng 127,9%.

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 ước tính xuất siêu 4 tỷ USD (năm 2020 xuất siêu 19,94 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,36 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 29,36 tỷ USD[2].

Có được những kết quả trên chính là nhờ chúng ta đã khai thác tốt các thị trường nước ngoài. Cùng với việc giữ được các thị trường xuất khẩu truyền thống, doanh nghiệp Việt Nam đã tận dụng khá tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các hiệp định FTA thế hệ mới.

Đầu tư phát triển còn nhiều dư địa cho tăng trưởng trung hạn.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2021 tăng 3,2% so với năm 2020. Tuy đây là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua nhưng là kết quả khả quan trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) phục hồi, vốn đăng ký mới và vốn đăng ký tăng thêm tăng trở lại cho thấy nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tin tưởng vào môi trường đầu tư Việt Nam.

Ước tính năm 2021, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 2.891,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm trước, bao gồm: Vốn khu vực nhà nước đạt 713,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,7% tổng vốn và giảm 2,9% so với năm trước; khu vực ngoài nhà nước đạt 1.720,2 nghìn tỷ đồng, bằng 59,5% và tăng 7,2%; khu vực FDI đạt 458,1 nghìn tỷ đồng, bằng 15,8% và giảm 1,1%[3].

Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2021 ước đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm 2020. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14,30 tỷ USD, chiếm 72,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,63 tỷ USD, chiếm 13,3%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,54 tỷ USD, chiếm 7,8%[4].

Triển vọng kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2022

Khả năng phục hồi tăng trưởng kinh tế của các quốc gia tùy thuộc vào chính sách kiểm soát dịch bệnh và quy mô các gói phục hồi kinh tế. Theo dự báo công bố tháng 12-2021 của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng 5,6% trong năm 2021. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế Mỹ được cảnh báo sẽ đảo chiều ngay từ quý I-2022 và có khả năng chỉ đạt 3,5% năm 2022 và 2,9% năm 2023. Trong khi khu vực EU được dự báo sẽ phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng 5,2% trong năm 2021, sau đó giảm tốc tới mức 4,3% năm 2022 và 2,3% năm 2023. Trung Quốc, nhiều khả năng sẽ đạt mức tăng trưởng cao 8,1% năm 2021 trước khi giảm tốc xuống 5,1% năm 2022 và năm 2023. Mặc dù hồi phục chậm hơn (ước tăng trưởng 1,8% năm 2021) so với các nền kinh tế lớn trên thế giới, nhưng kinh tế Nhật Bản lại được dự báo sẽ tăng trưởng ấn tượng 3,4% năm 2022 rồi sau đó mới giảm tốc xuống 1,1% năm 2023[5].

---

(2), (3) Tổng cục Thống kê: *Tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021*

(4) Cục Đầu tư nước ngoài: *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài tháng 12 và năm 2021*

(5) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *Báo cáo một số vấn đề nổi bật của kinh tế thế giới và Việt Nam tháng 12 và năm 2021*

Tại Việt Nam, dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế. Dự báo trên căn cứ vào các điểm sau:

Một là, dư địa chính sách tài khóa của Việt Nam là vẫn còn, tạo điều kiện cho những sự tác động của Chính phủ nhằm khôi phục nền kinh tế. Thu ngân sách dự kiến cả năm vẫn tăng so với dự toán; bội chi ngân sách và trần nợ công vẫn duy trì trong mức cho phép. Nợ công vẫn thấp so với ngưỡng an toàn và với mức trần đã được Quốc hội phê chuẩn; khả năng huy động nguồn vốn tài chính trong nước vẫn khá dồi dào khi lãi suất trái phiếu chính phủ quanh mức 2,09%/năm đối với kỳ hạn 10 năm. Trong khi lãi suất trái phiếu kho bạc Mỹ cùng kỳ hạn đã lên trên 1,6%/năm; Ngân hàng Trung ương dùng tiền cung ứng hoặc tiền gửi của các tổ chức tín dụng, bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc hay tiền gửi thanh toán để mua trái phiếu chính phủ.

Hai là, nền kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi tăng trưởng khi Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022 và năm 2023 với từng nhóm nhiệm vụ, giải pháp: Mở cửa nền kinh tế gắn với phòng, chống dịch bệnh COVID-19, đầu tư nâng cao năng lực y tế (60 nghìn tỷ đồng); bảo đảm an sinh xã hội và hỗ trợ việc làm (53,15 nghìn tỷ đồng); hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (110 nghìn tỷ đồng); phát triển kết cấu hạ tầng, khơi thông nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển (113,85 nghìn tỷ đồng); cải cách thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, ngoài ra, huy động từ các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước khoảng 10 nghìn tỷ đồng. Tổng quy mô chính sách tài khóa khoảng là 291 nghìn tỷ đồng, gồm quy mô tăng bội chi để hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước là 240 nghìn tỷ đồng.

Một số kiến nghị chính sách nhằm phục hồi và tăng trưởng bền vững

Thứ nhất, cần ưu tiên nguồn lực củng cố hệ thống y tế và bao phủ tỷ lệ tiêm vắc-xin trên toàn quốc và mua thuốc chữa bệnh. Các làn sóng dịch bệnh khiến hệ thống y tế tại nhiều tỉnh, thành phố gặp khó khăn cả về nhân lực và vật lực. Dịch bệnh trên thế giới còn diễn biến phức tạp, hệ thống y tế cũng là tuyến phòng thủ đầu tiên và quan trọng nhất của không chỉ nền kinh tế mà còn cả quốc gia. Vì vậy, củng cố hệ thống y tế, đặc biệt là y tế cơ sở, y tế dự phòng phải là ưu tiên hàng đầu trong các gói hỗ trợ. Cũng cần bảo đảm nguồn cung vắc-xin rộng rãi cho cả nước, không chỉ mũi 2 mà cả mũi 3, mũi 4. Đồng thời, có kế hoạch đặt mua các loại thuốc chữa bệnh, ngăn chặn đại dịch lây lan trong cộng đồng.

Thứ hai, cần củng cố hệ thống an sinh xã hội. Mục tiêu chính là hỗ trợ những nhóm dân cư, người lao động chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do dịch bệnh. Các biện pháp cụ thể bao gồm hỗ trợ việc khắc phục đứt gãy lao động. Ở những nơi phải phong tỏa thì bảo đảm những lao động nhập cư làm việc trong khu vực không chính thức không có giao kết hợp đồng được hỗ trợ đầy đủ để yên tâm ngồi nhà, giải ngân nhanh gói hỗ trợ những người trong danh sách hộ nghèo cũng như những người tham gia bảo hiểm xã hội chính thức để bảo đảm họ nhận được hỗ trợ kịp thời trên cơ sở được bao phủ bởi hệ thống an sinh xã hội chính thức.

Thứ ba, cần hỗ trợ doanh nghiệp thiết thực hơn. Thực tế triển khai các gói hỗ trợ

doanh nghiệp vừa qua cho thấy hiệu quả chưa cao, chưa đúng đối tượng hoặc thủ tục hỗ trợ còn phức tạp. Nhiều doanh nghiệp có lợi nhuận âm do giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và chi phí vận chuyển tăng mạnh, chịu gánh nặng các chi phí bảo đảm vừa sản xuất, vừa chống dịch... lại không thuộc nhóm đối tượng hỗ trợ. Trong khi có một số doanh nghiệp tuy sản lượng sản xuất giảm nhưng doanh thu vẫn cao thì lại được nhận hỗ trợ. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực bị "đóng băng" do dịch bệnh, như du lịch, khách sạn, nhà hàng..., việc miễn, giảm thuế thu nhập thực sự không có nhiều ý nghĩa đối với họ. Thêm vào đó, cần sử dụng công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Việc hạ mặt bằng lãi suất là cấp thiết. Lãi suất của Việt Nam mặc dù đã được hạ thấp so với năm 2020 nhưng hiện vẫn đang ở mức cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nếu không giảm mặt bằng lãi suất thì chỉ có khu vực tài chính, ngân hàng là được hưởng lợi, còn các tổ chức, doanh nghiệp khu vực sản xuất, kinh doanh khác sẽ chịu nhiều bất lợi, việc phục hồi tăng trưởng vì thế sẽ bị ảnh hưởng.

Thứ tư, tiếp tục cải cách thể chế, giải quyết những điểm nghẽn trong giải ngân vốn đầu tư công. Đầu tư công là động lực để thúc đẩy thu hút đầu tư xã hội, nhất là đầu tư cho hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng y tế đang cần nhiều dự án. Vì vậy, giải ngân vốn đầu tư công là một kênh quan trọng để kích thích nền kinh tế trong giai đoạn đầu tư của khu vực tư nhân gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Cần tiếp tục coi giải ngân vốn đầu tư công như một nhiệm vụ trọng tâm của năm 2022 và năm 2023 để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (giao thông, năng lượng, viễn thông, nước...); đầu tư vào kết cấu hạ tầng hỗ trợ cho xuất khẩu; hạ tầng số; hạ tầng xanh thích ứng với biến đổi khí hậu. Bên cạnh việc chú trọng ưu tiên đẩy mạnh giải ngân các dự án lớn, dự án trọng điểm quốc gia có sức lan tỏa lớn đang trong quá trình thực hiện, có thể đẩy mạnh thực hiện các công trình tại địa phương, trùng tu, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng sẵn có như kinh nghiệm của một số nước khác trong khu vực.

Thứ năm, để bảo đảm các biện pháp trên thực hiện thành công, cần sự phối hợp để xây dựng và thực hiện các chính sách giữa các bộ, ngành, giữa Chính phủ và Quốc hội, đặc biệt là gói chính sách tài khóa, tiền tệ phải đủ liều lượng, đúng thời điểm và đúng đối tượng. Có ý kiến lo ngại về áp lực lạm phát khi xây dựng và thực hiện các gói hỗ trợ, trong khi đó, có một số ý kiến khác lại mong muốn gói hỗ trợ kinh tế phải đủ lớn, mà như vậy thì nguy cơ lạm phát là không tránh khỏi. Vì thế, các cơ quan của Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan tham mưu cần phối hợp chặt chẽ trong việc tính toán nhằm bảo đảm dòng tiền hỗ trợ thực sự được đưa vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và hộ gia đình thay vì chuyển qua kênh đầu cơ các tài sản tài chính rủi ro, vốn không đóng góp cho phục hồi tăng trưởng.

Thứ sáu, trong dài hạn, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh thời đại công nghiệp 4.0 đã, đang và sẽ là động lực phát triển lâu dài cho nền kinh tế. Kinh tế số đang là mối quan tâm và xu hướng phát triển của nhiều quốc gia phát triển trên thế giới, cùng với xu thế tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn. Kinh tế số và tăng trưởng xanh đang thể hiện những lợi ích cũng như vị thế đối với sự tăng trưởng trong kinh tế cũng như cải thiện đời sống của người dân ở nhiều quốc gia. Chính vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu, phát triển và tạo ra môi trường phù hợp để phát triển kinh tế số và tăng trưởng xanh làm động lực phát triển cho nền kinh tế một cách dài hạn. ❑